

Bản án số: 29/2025/HS-ST
Ngày 29 – 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang và ông Hồ Cảnh Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 152/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 09/5/1992 tại Bình Phước. Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ 1, ấp 1, xã L N, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Tổ 1, ấp 1, xã L Th, huyện L N, tỉnh Bình Phước). Số căn cước công dân: 07009xxxxxxx nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH. Nghề ngH: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 và bà Hà Thị L, sinh năm 1967; vợ tên Cao Thị Thu A, sinh năm 1998; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2015 nhỏ nhất sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt và bị giam giữ từ ngày 17/9/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01- Công an tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

- Bị hại: Chị Đoàn Thị Thúy H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Bắc H, xã B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người làm chứng:

+ Chị Đinh Thị Ngọc H, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã L, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Đoàn Huy H1, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: M 2, phường B, Tp. Hồ Chí Minh

+ Ông Đoàn Huy H2, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã G, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/01/2023, anh Nguyễn Bá Kh (sinh năm 1986, trú tại xã Bắc Sơn, huyện T, tỉnh Đồng Nai) bị Công an huyện Trảng Bom bắt và tạm giữ về hành vi “Buôn bán hàng cấm”. Sau đó em vợ của anh Kh là anh Đoàn Huy H1 kể lại sự việc anh Kh bị bắt cho Nguyễn Hợp T (sinh năm 1989, trú tại khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước) nghe và nhờ T liên hệ để lo cho anh Kh được tại ngoại. Sau đó, T kể lại sự việc cho Nguyễn Văn H nghe và nhờ H lo cho anh Kh được tại ngoại. Lúc này, H gọi điện thoại cho chị Trần Ngọc L (sinh năm 1973, trú tại 29T2 khu phố 3, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) nhờ chị L giúp thì chị L đồng ý và báo chi phí hết 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*), H và T thống nhất kê thêm số tiền 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*) để chia nhau và T nói lại cho anh H1. Đến ngày 21/01/2023, anh H1 nói với vợ của anh Kh là chị Đoàn Thị Thúy H nghe là có người quen lo tại ngoại và hưởng án treo được cho anh Kh với số tiền là 450.000.000 đồng (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*) thì chị H đồng ý và nói Hưng hẹn gặp T. Đến chiều ngày 21/01/2023, anh T cùng vợ là chị Đinh Thị Ngọc H1 (sinh năm 1987, trú tại ấp 8, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước) và Nguyễn Văn H đến nhà chị H tại ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Sau khi gặp mặt gia đình chị H thì H đưa điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Prox Max của H bên trong có hình ảnh 01 Chứng minh công an nhân dân và 01 thẻ Căn cước công dân tên Nguyễn Văn H, sinh năm: 1992, trú tại ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước cho gia đình chị H xem và giới thiệu mình hiện nay đang công tác tại Công an tỉnh Bình Dương. H nói với gia đình chị H là sẽ lo cho anh Kh được tại ngoại và xử án treo với số tiền là 450.000.000 đồng (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*), số tiền này sẽ lấy nhiều lần, nếu gia đình đồng ý thì đưa trước cho H 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) thì chị H đồng ý rồi chị H đưa cho H số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*). Đến ngày 28/01/2023, H nói anh T liên lạc với chị H để lấy thêm số tiền 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*) để lo cho anh Kh tại ngoại, đến chiều cùng ngày vợ chồng anh T đến nhà chị H, chị H tiếp tục đưa cho anh T 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*), sau đó chị H1 đưa số tiền trên cho H. Đến khoảng cuối tháng 02/2023, anh Kh vẫn chưa được tại ngoại nên chị H nhiều lần điện thoại hỏi anh T thì anh T nói H liên lạc với chị H, quá trình nói chuyện H tiếp tục yêu cầu chị H đưa thêm số tiền 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*), sau đó chị H tiếp tục đưa H 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) và H hứa hẹn với chị H khoảng đầu tháng 03/2023 anh Kh sẽ được tại ngoại. Tổng số tiền mà H nhận từ chị H là 285.000.000 đồng (*hai trăm tám mươi lăm triệu đồng*), H đã đưa cho anh T số tiền 75.000.000 đồng (*bảy mươi lăm triệu đồng*) và đưa cho chị Trần Ngọc L số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*), số tiền còn lại H đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày H hẹn nhưng anh Kh vẫn không được tại ngoại nên chị H liên lạc với anh T và H để đòi lại tiền nhưng không liên lạc với

H được nên anh T đã đến Công an huyện Trảng Bom trình báo sự việc (Bút lục số: 137-143).

Ngày 01/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” để điều tra nhưng do H bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã tiến hành truy nã theo quy định. Ngày 17/9/2024, Nguyễn Văn H bị bắt. Quá trình điều tra H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 77/CT-VKS-TB ngày 05/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai đã truy tố Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn H từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù.

Về vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: Không.

Về phần dân sự: Chị Đoàn Thị Thúy H yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường số tiền 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng). Bị cáo chưa bồi thường nên buộc bị cáo H bồi thường cho chị H số tiền đã chiếm đoạt.

- Các vấn đề khác:

Đối với hành vi của Nguyễn Hợp T, ngoài lời khai của bị can Nguyễn Văn H thì không có tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh. Đồng thời, qua xác minh T không có mặt tại nơi cư trú do đó Cơ quan điều tra quyết định tách hành vi của Nguyễn Hợp T để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với chị Trần Thị Ngọc Lan, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai và cho đối chất với bị can Nguyễn Văn H nhưng chị L khai nhận không biết việc H giả danh công an để lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Đoàn Thị Thúy H và chị L cũng không nhận số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) từ bị can Nguyễn Văn H. Ngoài lời khai của bị can H thì không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh nên không có căn cứ để xử lý đối với chị L.

Đối với chị Đinh Thị Ngọc H1 không biết việc bị cáo Nguyễn Văn H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Đoàn Thị Thúy H nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với 01 hình ảnh Chứng minh công an nhân dân mang tên Nguyễn Văn H do H thuê đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) trên mạng xã hội Facebook làm với giá 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) và H lưu trữ trên điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max. Điện thoại H đã bán nên Cơ quan điều tra không thu hồi được và không có căn cứ để xử lý.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đối với sự vắng mặt của bị hại, người làm chứng tại phiên tòa: Bị hại có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, bị hại và người làm chứng đã có lời khai ở Cơ quan điều tra và việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Nên căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án. Qua đó đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng tháng 01 và tháng 02/2023, tại ấp Bắc Hòa, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Bình Minh, tỉnh Đồng Nai) Nguyễn Văn H đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối về việc H tự xưng là cán bộ Công an ở tỉnh Bình Dương (H đưa hình ảnh Chứng minh công an nhân dân ở trong điện thoại cho chị Đoàn Thị Thúy H xem) nhằm mục đích để chị H tin tưởng H có khả năng giúp cho anh Nguyễn Bá Kh được tại ngoại để chiếm đoạt của chị H số tiền 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng). Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bố của bị cáo có xác nhận là thương binh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng: Không

[6] Về dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận chiếm đoạt số tiền 285.000.000 đồng và tại phiên tòa, bị cáo H đồng ý trả lại cho chị Đoàn Thị Thúy H toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Các vấn đề khác:

[7.1] Đối với hành vi của Nguyễn Hợp T, ngoài lời khai của bị cáo Nguyễn Văn H thì không có tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh. Đồng thời, qua xác minh T không có mặt tại nơi cư trú do đó Cơ quan điều tra quyết định tách hành vi của Nguyễn Hợp T để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

[7.2] Đối với chị Trần Thị Ngọc Lan không biết việc H giả danh công an để lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Đoàn Thị Thúy H và chị L cũng không nhận số tiền 60.000.000 đồng từ bị cáo Nguyễn Văn H. Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai của chị L, tiến hành đối chất giữa chị L và bị cáo H, ngoài lời khai của bị cáo H thì không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh, nên không có căn cứ để xử lý đối với chị L.

[7.3] Đối với chị Đinh Thị Ngọc H1 không biết việc bị cáo Nguyễn Văn H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Đoàn Thị Thúy H nên không có căn cứ để xử lý.

[7.4] Đối với 01 hình ảnh Chứng minh công an nhân dân mang tên Nguyễn Văn H do H thuê đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) trên mạng xã hội Facebook làm với giá 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) và H lưu trữ trên điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max. Điện thoại H đã bán nên Cơ quan điều tra không thu hồi được và không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về các vấn đề trong vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H **09 (chín) năm tù**; thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2024.

2. Về dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải **bồi thường thiệt hại về tài sản** cho chị Đoàn Thị Thúy H số tiền 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Đoàn Thị Thúy H, nếu bị cáo Nguyễn Văn H chậm trả số tiền nêu trên thì **còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất** quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 14.250.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Đoàn Thị Thúy H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND KV3 – Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Lộc Ninh;
- Công an xã Lộc Ninh;
- Phòng PV06- Công an tỉnh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Linh